

Bản án số: 382/2024/HS-ST
Ngày 25-12-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thụy

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Hoàn;
- Ông Trịnh Văn Lực.

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Hồng Sơn, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: ông Trần Trọng An, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2024 tại Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 404/2024/TLST-HS ngày 27 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 406/2024/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 12 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Phan Xuân D, sinh năm: 1972 tại tỉnh Bình Dương; thường trú: 46/7, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 02/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; con ông Phan Văn H (đã chết) và bà Võ Thị T (đã chết); bị cáo có 01 chị ruột, sinh năm 1969; bị cáo có vợ tên Lê Thị M, sinh năm 1990 và 02 người con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2021; tiền án: Bản án số 140/2021/HSST ngày 21/5/2021 bị Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt 01 năm 06 tháng tù giam về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/5/2022 và nộp án phí ngày 15/11/2021. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 17/3/2024, có mặt.

2. Lê Thị M (tên gọi khác: T1), sinh năm: 1990 tại tỉnh An Giang; thường trú: khóm T, thành phố L, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: tự do; trình độ học vấn: 07/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; giới tính: nữ; con ông Lê Văn B, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị Hồng H1, sinh năm 1968; bị cáo có 02 em ruột, lớn sinh năm 1993, nhỏ sinh năm 1997; bị cáo có chồng tên Phan Xuân D, sinh năm 1972 và 02 người con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2021; tiền án,

tiền sự: không; bị tạm giữ, tạm giam trong vụ án khác, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B.

3. Phạm Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1990 tại tỉnh Trà Vinh; thường trú: 97 tổ C, khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: tự do; trình độ học vấn: 11/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; con ông Phạm Văn M1, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị Ngọc S, sinh năm 1968; bị cáo có vợ tên Lý Huỳnh C, sinh năm 1987 và 02 người con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 16/3/2024, có mặt.

4. Nguyễn Văn B1, sinh năm 1988 tại tỉnh Bạc Liêu; thường trú: ấp P, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: phụ hồ; trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; con ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Ngọc V, sinh năm 1960; bị cáo có 01 em ruột, sinh năm 1991; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 16/3/2024, có mặt.

5. Mai Thanh T2, sinh năm 1984 tại tỉnh Đồng Nai; thường trú: 38 tổ C, khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: tự do; trình độ học vấn: 10/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; con ông Mai Tấn O, sinh năm 1951 và bà Phạm Thị R, sinh năm 1953; bị cáo có 05 anh chị em ruột, lớn sinh năm 1974, nhỏ sinh năm 1986; bị cáo có vợ tên Lê Thị Cẩm T3, sinh năm 1983 và 02 người con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Bản án số 519/2016/HSST ngày 31/8/2016 bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 năm tù giam, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/11/2017 và nộp án phí ngày 14/12/2016; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 16/3/2024, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc S, sinh năm 1968; địa chỉ: I khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, vắng mặt.

2. Bà Trương Thị Mỹ T4, sinh năm 1991; địa chỉ: ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai, vắng mặt.

3. Ông Mai Văn C1, sinh năm 1981; địa chỉ: C tổ C, khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, vắng mặt.

4. Ông Trần Nhật Q, sinh năm 1977; địa chỉ: A, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

5. Bà Nguyễn Thị Ngọc T5, sinh năm 1961; địa chỉ: G, khu phố B, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

6. Ông Mai Tấn O, sinh năm 1951; địa chỉ: C tổ C, khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, vắng mặt.

- Người chứng kiến:

1. Ông Hà Thanh L1, vắng mặt.

2. Ông Phan Phú Q1, vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Văn L2, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Phan Xuân D và bị cáo Lê Thị M là vợ chồng cùng sinh sống tại số D, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Bị cáo D và M là đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy. Khoảng giữa tháng 02/2024, bị cáo D mua ma túy của người khác đem về phân nhỏ để bán cho người nghiện. Hình thức bán ma túy là các con nghiện đến gặp trực tiếp bị cáo D hoặc M đưa tiền mặt hoặc chuyển khoản qua tài khoản Momo, đăng ký số điện thoại 0974798053 liên kết với tài khoản ngân hàng V2 1680827117689 tên HUYNH THI HONG VAN (tài khoản này do bị can Mô quản lý, sử dụng), sau khi thanh toán tiền thì bị cáo D hoặc M giao ma túy cho người nghiện.

Qua điều tra xác định bị cáo Phan Xuân D và Lê Thị M đã thực hiện hành vi mua bán ma túy, cụ thể như sau:

Đầu tháng 3/2024, bị cáo D đón xe G đến khu vực cầu B, Thành phố Hồ Chí Minh gặp người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) hỏi mua 1.000.000 đồng ma túy (gồm ma túy đá, ketamine và thuốc lắc) đem về nhà phân chia ra bán lại cho các đối tượng nghiện.

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 16/3/2024, do có nhu cầu sử dụng ma túy nên bị cáo Phạm Nguyễn Hoàng L, điều khiển xe mô tô hiệu Vespa màu đỏ biển số 60B9-150.95 đến bãi đất trống gần đại lý vật liệu xây dựng “H” thuộc khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai gặp một người tên T6 (không rõ nhân thân, lai lịch) để hỏi mua 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) ma túy đá thì T6 chỉ cho bị cáo L chỗ mua ma túy, tại địa chỉ 4 khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Đồng thời, T6 cho bị cáo L số tài khoản Momo của người bán ma túy để bị cáo L chuyển khoản tiền mua ma túy. Sau đó, bị cáo L điều khiển xe mô tô về nhà lấy điện thoại di động hiệu Iphone 7 màu vàng gold, đăng nhập vào tài khoản Momo tên Phạm Nguyễn Hoàng L, đăng ký bằng số điện thoại 0985553234 chuyển vào tài khoản Momo mà tên T6 đã cho bị cáo L (tài khoản Momo số 0974798053 tên Huỳnh Thị Hồng V1) số tiền 200.000 đồng. Sau khi chuyển tiền, bị cáo L điều khiển xe mô tô hiệu Vespa màu đỏ, biển số 60B9-150.95 đến nhà của bị cáo D để mua ma túy. Bị cáo L đến gặp bị cáo D hỏi mua 200.000 đồng ma túy đá và nói đã chuyển khoản rồi, bị cáo D hỏi bị cáo M đã nhận được tiền chưa, bị cáo M xác nhận đã nhận được tiền. Lúc này, bị cáo D đưa cho bị cáo L 01(một) gói nylon hàn kín chứa tinh thể màu trắng là ma túy đá. Bị cáo L cầm gói ma túy bỏ vào trong túi quần bên phải đang mặc rồi điều khiển xe mô tô đi về nhà. Khi bị cáo L điều khiển xe mô tô đến ngã tư B, thuộc phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương phát hiện có biểu hiện nghi vấn nên lực lượng tuần tra Công an phường T phối hợp với Đội Cảnh sát điều tra Kinh Tế - Ma túy Công an thành phố D, kiểm tra phát hiện gói ma túy bị cáo L cất giấu trong túi quần nên lập biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang cùng niêm phong tang vật.

Khoảng 18 giờ 00, ngày 16/03/2024, do có nhu cầu sử dụng ma túy đá, bị cáo Nguyễn Văn B1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen, biển số 54X6 – 1764 đi đến nhà của vợ chồng bị cáo D và bị cáo M, tại 4 khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương để mua ma túy về sử dụng. Khi đến, bị cáo B1 đứng trước cổng nhà bị cáo D gọi “anh D ơi” thì bị cáo M đi ra. Lúc này, bị cáo B1 nói với bị cáo M “em B1 chị T1 ơi, nói anh D lấy cho em 500, ngày mai em lãnh lương em trả”. Nghe vậy, bị cáo M đi vào nói với bị cáo D là bị cáo B1 mua thiếu 500.000 đồng thì bị cáo D đồng ý. Bị cáo D leo lên gác lấy 01 gói nylon hàn kín đưa cho bị cáo M cầm gói ma túy ra giao cho bị cáo B1. Sau khi mua được ma túy, bị cáo B1 cầm gói ma túy trong lòng bàn tay trái của mình và điều khiển xe mô tô đi về nhà. Khi bị cáo B1 điều khiển xe mô tô đến đường H, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, do có biểu hiện nghi vấn nên lực lượng tuần tra Công an phường T phối hợp với Đội Cảnh sát điều tra Kinh Tế - Ma túy Công an thành phố D, tiến hành dừng xe kiểm tra, phát hiện Công an, bị cáo B1 thả từ tay trái của bị cáo B1 xuống đất 01 gói nylon hàn kín chứa chất tinh thể màu trắng, bị cáo B1 vừa mua của bị cáo D và bị cáo M, cùng lúc lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang cùng tang vật.

Khoảng 19 giờ 20 phút ngày 16/3/2024 bị cáo Mai Thanh T2, có nhu cầu sử dụng ma túy đá nên bị cáo T2 lên lấy điện thoại Sam sung màu đen của cha ruột là ông Mai Tấn O để trên đầu tủ lạnh, rồi mở máy và cài ứng dụng MOMO về máy tự đăng nhập tài khoản của bị cáo T2 (tài khoản Momo tên Mai Thanh T2 đăng ký bằng số điện thoại 0973427871). Sau đó, chuyển 300.000 đồng từ tài khoản Mai Thanh T2 sang tài khoản Momo số 0974798053 tên Huỳnh Thị Hồng V1 (do bị cáo M quản lý sử dụng). Số tiền 300.000 đồng, trong đó bị cáo T2 trả tiền vay để sửa xe số tiền 100.000 đồng cho bị cáo D, còn 200.000 đồng là tiền mua ma túy. Sau khi chuyển khoản xong, bị cáo T2 điều khiển xe đạp điện màu đỏ đen hiệu HITASA đi đến nhà của bị cáo D tại số D khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương để mua ma túy đá về sử dụng. Khi đến nhà của bị cáo D, bị cáo T2 gặp D và nói đã chuyển 300.000 đồng, trả nợ 100.000 đồng và mua 200.000 đồng ma túy đá. Thời điểm này, bị cáo M bế con đi ra ngoài nên bị cáo D không hỏi được việc đã nhận được tiền của bị cáo T2 hay chưa, nhưng bị cáo D vẫn giao cho bị cáo T2 01 gói nylon hàn kín chứa ma túy đá với giá 200.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, bị cáo T2 cất gói ma túy vào trong gói thuốc lá hiệu Hoà Bình và bỏ vào túi quần bên phải của bị cáo T2 đang mặc rồi điều khiển xe đạp điện đi về. Trên đường về đến trước số nhà D B, khu phố T, phường T, thành Phố D, tỉnh Bình Dương phát hiện có biểu hiện nghi vấn nên lực lượng tuần tra Công an phường T phối hợp với Đội Cảnh sát điều tra Kinh Tế - Ma túy Công an thành phố D, kiểm tra phát hiện gói ma túy bị cáo T2 cất giấu trong túi quần nên lập biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang cùng niêm phong tang vật.

Lúc 09 giờ ngày 17/3/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D tiến hành bắt người bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với bị cáo Phan Xuân D, đồng thời khám xét khẩn cấp chỗ ở của bị cáo D, tại số D, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Qua khám xét Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, phát hiện thu giữ: 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá, gồm: 01 nõ thủy tinh và 01 ống hút nhựa được cắm vào 01 chai nhựa; 01 (một) túi nylon màu đỏ treo trên kệ sát tường từ ngoài cầu thang nhìn thẳng vào, bên trong túi đỏ có 01 (một)

cân điện tử màu xám có chữ made in China, 01 (một) kéo nhỏ màu trắng, 01 (một) túi khóa kéo màu xám đen bên trong túi có 02 (hai) túi nylon miệng kéo dính (cỡ lớn) chứa chất tinh thể màu trắng, 04 (bốn) túi nylon miệng kéo dính (cỡ vừa) bên trong chứa chất tinh thể màu trắng, 02 (hai) túi nylon miệng kéo dính (cỡ nhỏ) bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng, 01 túi nylon miệng kéo dính, bên trong có chứa 01 viên nén màu vàng, 01 túi nylon miệng kéo dính bên trong có chứa một phần viên nén màu xám, 01 túi nylon miệng kéo dính bên trong có chứa chất bột màu nâu, 01 túi nylon miệng kéo dính bên trong có chứa chất bột màu tím, 01 gói nylon hàn kín bên trong có chất màu cam. Lực lượng Công an tiến hành niêm phong tang vật.

Quá trình điều tra, các bị cáo L, B1 và T2 đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên. Bị cáo L mua ma túy của bị cáo D và M được 01 lần. Bị cáo B1 mua ma túy của bị cáo D và M được 03 lần (trong đó 02 lần trước mua với tổng số tiền 500.000 đồng, đưa tiền mặt cho bị cáo D, bị cáo D giao ma túy cho bị cáo B1, còn lần thứ 3 là bị cáo M giao ma túy cho bị cáo B1). Bị cáo T2 mua ma túy của bị cáo D và bị cáo M được 01 lần.

* Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm: một chai nhựa, một ống hút nhựa, một nỏ thủy tinh, 01 (một) cân điện tử màu xám có chữ Made in China, 01 (một) kéo nhỏ màu trắng, 01 (một) túi khóa kéo màu xám đen.

- Ma túy thu giữ của bị cáo Phạm Nguyễn Hoàng L có khối lượng 0,1294 gam là ma túy loại Methamphetamine.

- Ma túy thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn B1 có khối lượng 0,4020 gam là ma túy loại Methamphetamine.

- Ma túy thu giữ M2 bị cáo Mai Thanh T2 có khối lượng 0,1730 gam là ma túy loại Methamphetamine.

- Ma túy của bị cáo Phan Xuân D có khối lượng 6,4997 gam loại Metamphetamine, 0,1129 gam loại Ketamine. Riêng viên nén màu vàng, một phần viên nén màu xám, chất bột màu nâu, chất bột màu tím và chất màu cam thu giữ của bị cáo Phan Xuân D có tổng khối lượng 0,9534 gam là ma túy loại MDMA.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo 1907 màu xanh, số Imei 1: 863601049019236, số Imei 2: 863601049019228 gắn sim số 0974798053 tạm giữ của bị cáo M; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 7 màu vàng gold nhãn hiệu Iphone 7, số máy MNCM2J/A, số seri I17T6HV1H684 (không gắn sim) tạm giữ của bị cáo L.

- 01 xe mô tô hiệu Piagio Vespa màu đỏ biển số 60B9 – 150.95, số máy: M669M5002964, số khung: 6500CV001956.

- 01 xe đạp điện hiệu Hitasa màu đỏ đen.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen, biển số 54X6 – 1764, số máy 5C63-328175, số khung: 630AY-328122.

* Căn cứ Bản kết luận giám định số: 1477/KL-KTHS(MT) ngày 25 tháng 03 năm 2024 của Phòng K1 Công an tỉnh B kết luận: tinh thể màu trắng thu giữ của bị

cáo Phạm Nguyễn Hoàng L có khối lượng 0,1294 gam là ma túy loại Methamphetamine.

Bản kết luận giám định số: 1475/KL-KTHS(MT) ngày 22 tháng 03 năm 2024 của Phòng K1 Công an tỉnh B kết luận: tinh thể màu trắng thu giữ của bị cáo Mai Thanh T2 có khối lượng 0,1730 gam là ma túy loại Methamphetamine.

Bản kết luận giám định số: 1476/KL-KTHS(MT) ngày 22 tháng 03 năm 2024 của Phòng K1 Công an tỉnh B kết luận: tinh thể màu trắng thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn B1 có khối lượng 0,4020 gam là ma túy loại Methamphetamine.

Bản kết luận giám định số: 1478/KL-KTHS(MT) ngày 25 tháng 03 năm 2024 và 1478A/KL-KTHS(MT) ngày 05 tháng 07 năm 2024 của Phòng K1 Công an tỉnh B kết luận: tinh thể màu trắng thu giữ của bị cáo Phan Xuân D là ma túy, trong đó có 6,4997 gam loại Metamphetamine, 0,1129 gam loại Ketamine. Riêng viên nén màu vàng, một phần viên nén màu xám, chất bột màu nâu, chất bột màu tím và chất màu cam có tổng khối lượng 0,9534 gam là ma túy loại MDMA.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì với các kết luận giám định trên.

* Tại Cáo trạng số: 01/CT – VKS-DA ngày 25 tháng 11 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Phan Xuân D và Lê Thị M tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b, p khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; các bị cáo Phạm Nguyễn Hoàng L, Mai Thanh T2 và Nguyễn Văn B1 tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b, p khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo Phan Xuân D với mức hình phạt từ 09 năm đến 09 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng điểm b, p khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo Lê Thị M với mức hình phạt từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm tù.

- Áp dụng theo điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo Mai Thanh T2 với mức hình phạt từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng.

- Áp dụng theo điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B1 với mức hình phạt từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng.

- Áp dụng theo điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo Phạm Nguyễn Hoàng L với mức hình phạt từ 01 năm 09 tháng đến 02 năm tù.

* Về xử lý vật chứng:

- Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm: một chai nhựa, một ống hút nhựa, một nỏ thủy tinh, 01 (một) cân điện tử màu xám có chữ Made in China, 01 (một) kéo nhỏ màu trắng và 01 (một) túi khóa kéo màu xám đen.

- Đề nghị tịch thu tiêu hủy 04 bì thư được niêm phong có ký hiệu 1475/PC09; 1476/PC09; 1477PC09; 1478/PC09, ma túy còn lại sau giam định.

- Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 thẻ sim điện thoại 0974798053.

- Đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo 1907 màu xanh, số Imei 1: 863601049019236, số Imei 2: 863601049019228; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 7 màu vàng gold nhãn hiệu Iphone 7, số máy MNCM2J/A, số seri I17T6HV1H684.

- Đối với số tiền 900.000 đồng tiền thu lợi bất chính do bị cáo D và M bán ma túy mà có nên cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Đối với xe mô tô hiệu Piaggio Vespa màu đỏ biển số 60B9 – 150.95, số máy: M669M5002964, số khung: 6500CV001956, đây là xe do bị cáo L mượn của mẹ ruột là bà Nguyễn Thị Ngọc S, sinh năm: 1968, thường trú: 97 khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Chiếc xe này do chị Trương Thị Mỹ T4, sinh năm: 1991, thường trú: ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai đứng tên chủ sở hữu. Qua làm việc, chị T4 đã bán chiếc xe này cho một người đàn ông lạ mặt, khi bán không ký hợp đồng mua bán xe, còn bà S mua chiếc xe này của một người đàn ông lạ mặt và sử dụng từ nhiều năm nay. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành đăng báo tìm chủ sở hữu có liên quan nhưng không có ai đến liên hệ. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô biển số 60B9 – 150.95 cho bà Nguyễn Thị Ngọc S theo quy định.

- Đối với chiếc xe đạp điện hiệu Hitasa màu đỏ đen, đây là xe do ông Mai Văn C1, sinh năm: 1981, thường trú: 38 tổ C, khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (là anh ruột của bị cáo T2) mua từ khoảng năm 2017. Sau đó, do con gái lớn của bị cáo T2 đi học mà không có xe nên ông C1 đã giao chiếc xe này cho con gái của bị cáo T2 để đi học. Ngày 16/03/2024, bị cáo T2 đã lấy chiếc xe này để đi mua ma túy, việc này ông C1 hoàn toàn không biết. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại chiếc xe đạp điện hiệu Hitasa màu đỏ đen cho ông Mai Văn C1 theo quy định.

- Đối với xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen, biển số 54X6 – 1764, số máy 5C63-328175, số khung: 630AY-328122 do bị cáo B1 điều khiển, đây là xe mà bị cáo B1 mượn của ông Trần Nhật Q, sinh năm: 1977, thường trú: khu phố B, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, chỗ ở hiện nay: A khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương (tại thời điểm bị bắt thì bị cáo B1 ở nhờ nhà của ông Q). Chiếc xe này do bà Nguyễn Thị Ngọc T5, sinh năm: 1961, thường trú: khu phố B, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh là chị họ của ông Q đứng tên chủ sở hữu. Vào năm 2016, bà T5 có cho ông Q chiếc xe này để làm phương tiện đi lại, từ đó đến nay ông Q là người sử dụng chiếc xe này. Việc bị cáo B1 đi mua ma túy thì ông Q hoàn toàn không biết. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra

đã trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen, biển số 54X6 – 1764 cho ông Trần Nhật Q theo quy định.

Đối với người đàn ông bán ma túy cho bị cáo Phan Xuân D, do chưa rõ nhân thân lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D tiếp tục điều tra xác minh làm rõ, xử lý sau.

Tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về điều luật áp dụng, khung hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử lý vật chứng đồng thời trong lời nói sau cùng các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ xác định hành vi phạm tội của các bị cáo:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 16/3/2024 tại số D, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, bị cáo Phan Xuân D và bị cáo Lê Thị M bán ma túy cho bị cáo Phạm Nguyễn Hoàng L có khối lượng 0,1294 gam loại Methamphetamine với số tiền 200.000 đồng; bị cáo L điều khiển xe mô tô đến ngã tư B, thuộc phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương thì bị phát hiện bắt giữ. Khoảng 18 giờ 00, ngày 16/03/2024, tại số D, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, bị cáo Phan Xuân D và bị cáo Lê Thị M bán ma túy Nguyễn Văn B1 có khối lượng là 0,4020 gam loại Methamphetamine với số tiền 500.000 đồng; bị cáo B1 điều khiển xe mô tô đến đường H, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương thì bị phát hiện bắt giữ và khoảng 19 giờ 20 phút ngày 16/3/2024 tại số D, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, bị cáo Phan Xuân D và bị cáo Lê Thị M bán ma túy cho bị cáo Mai Thanh T2 có khối lượng là 0,1730 gam loại Methamphetamine với số tiền 200.000 đồng; trên đường bị cáo T2 về đến trước số nhà D B, khu phố T, phường T, thành Phố D, tỉnh Bình Dương thì bị phát hiện bắt giữ.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn B1, ngoài hành vi mua ma túy của bị cáo D và bị cáo M ngày 16/3/2024, trước đó bị cáo B1 còn mua ma túy của bị cáo D 02 lần với số tiền 500.000 đồng. Thu giữ tại nhà của bị cáo Phan Xuân D ma túy có khối lượng 6,4997 gam loại Metamphetamine, khối lượng 0,1129 gam loại Ketamine và khối lượng 0,9534 gam loại MDMA.

Như vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo Phan Xuân D và Lê Thị M đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b, p khoản 2 điều

251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Hành vi của các bị cáo Phạm Nguyễn Hoàng L, Mai Thanh T2 và Nguyễn Văn B1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại khoản c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Do đó, Cáo trạng số: 01/CT – VKS-DA ngày 25 tháng 11 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố các bị cáo Phan Xuân D và Lê Thị M về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b, p khoản 2 điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; các bị cáo Phạm Nguyễn Hoàng L, Mai Thanh T2 và Nguyễn Văn B1 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; các bị cáo hoàn toàn đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: tội phạm do các bị cáo thực hiện là nghiêm trọng và rất nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến sự quản lý độc quyền của Nhà nước về chất ma túy gây mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức rõ hành vi tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vì để có ma túy sử dụng, có tiền sử dụng ma túy, mục đích tư lợi của bản thân mà các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo với mức án tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, đủ để cải tạo, giáo dục các bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Trong vụ án “Mua bán trái phép chất ma túy” tính chất đồng phạm nhưng là giản đơn không có sự cấu kết chặt chẽ, không có sự bàn bạc, phân công vai trò cụ thể khi thực hiện hành vi phạm tội nên không xem là phạm tội có tổ chức.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo Phan Xuân D có 01 tiền án về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” chưa được xóa án tích nên là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Riêng bị cáo D và bị cáo M không thành khẩn khai báo, tuy nhiên sau đó cả bị cáo D và bị cáo M đều thừa nhận hành vi phạm tội, có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử vẫn áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo D và bị cáo M. Xét đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Ngoài ra, cha của bị cáo Phạm Nguyễn Hoàng L có Huy chương vì an ninh tổ quốc, huy chương chiến sỹ vẻ vang; cha của bị cáo Lê Thị M có Huân chương chiến công hạng 3, xét đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Hội đồng xét xử sẽ áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

[7] Về nhân thân: các bị cáo Phan Xuân D và Mai Thanh T2 đã từng bị xét xử về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; các bị cáo Lê Thị M, Nguyễn Văn B1 và Phạm Nguyễn Hoàng L là người chưa có tiền án, tiền sự. Các bị cáo là người sử dụng trái phép chất ma túy nên cũng cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[8] Về hình phạt:

- Hình phạt chính: xét các bị cáo phạm tội nghiêm trọng và rất nghiêm trọng, đã xâm phạm vào sự quản lý độc quyền của Nhà nước về chất ma túy, các bị cáo là người sử dụng trái phép chất ma túy đồng thời hành vi phạm tội của các bị cáo ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục, cải tạo các bị cáo thành công dân có ích cho gia đình, xã hội và có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung.

- Hình phạt bổ sung: theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”; khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”. Tuy nhiên, áp dụng phạt tù cũng đủ để răn đe, giáo dục các bị cáo nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng:

- Xét số ma túy hoàn lại sau giám định được niêm phong có ký hiệu 1475/PC09; 1476/PC09; 1477PC09; 1478/PC09, là vật cấm lưu thông nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Xét 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm: một chai nhựa, một ống hút nhựa, một nỏ thủy tinh, 01 (một) cân điện tử màu xám có chữ Made in China, 01 (một) kéo nhỏ màu trắng và 01 (một) túi khóa kéo màu xám đen cần tịch thu tiêu hủy.

- Xét 01 thẻ sim điện thoại 0974798053 là công cụ phương tiện phạm tội cần tịch thu tiêu hủy.

- Xét 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo 1907 màu xanh, số Imei 1: 863601049019236, số Imei 2: 863601049019228; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 7 màu vàng gold nhãn hiệu Iphone 7, số máy MNCM2J/A, số seri I17T6HV1H684 là công cụ phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Xét số tiền 900.000 đồng thu lợi bất chính do bị cáo D và M bán ma túy mà có nên buộc bị cáo D và M phải giao nộp để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Xét xe mô tô hiệu Piagio Vespa màu đỏ biển số 60B9 – 150.95, số máy: M669M5002964, số khung: 6500CV001956, đây là xe do bị cáo L mượn của mẹ ruột là bà Nguyễn Thị Ngọc S, sinh năm: 1968, thường trú: 97 khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Chiếc xe này do chị Trương Thị Mỹ T4, sinh năm: 1991, thường trú: ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai đứng tên chủ sở hữu. Qua làm việc, chị T4 đã bán chiếc xe này cho một người đàn ông lạ mặt, khi bán không ký hợp đồng mua bán xe, còn bà S mua chiếc xe này của một người đàn ông lạ mặt và sử dụng từ nhiều năm nay. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành đăng báo tìm chủ sở

hữu có liên quan nhưng không có ai đến liên hệ. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô biển số 60B9 – 150.95 cho bà Nguyễn Thị Ngọc S là phù hợp quy định của pháp luật.

- Xét chiếc xe đạp điện hiệu Hitasa màu đỏ đen, đây là xe do ông Mai Văn C1, sinh năm: 1981, thường trú: 38 tổ C, khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (là anh ruột của bị cáo T2) mua từ khoảng năm 2017. Sau đó, do con gái lớn của bị cáo T2 đi học mà không có xe nên ông C1 đã giao chiếc xe này cho con gái của bị cáo T2 để đi học. Ngày 16/03/2024, bị cáo T2 đã lấy chiếc xe này để đi mua ma túy, việc này ông C1 hoàn toàn không biết. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại chiếc xe đạp điện hiệu Hitasa màu đỏ đen cho ông Mai Văn C1 là phù hợp quy định của pháp luật.

- Xét xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen, biển số 54X6 – 1764, số máy 5C63-328175, số khung: 630AY-328122 do bị cáo B1 điều khiển, đây là xe mà bị cáo B1 mượn của ông Trần Nhật Q, sinh năm: 1977, thường trú: khu phố B, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, chỗ ở hiện nay: A khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương (tại thời điểm bị bắt thì bị cáo B1 ở nhờ nhà của ông Q). Chiếc xe này do bà Nguyễn Thị Ngọc T5, sinh năm: 1961, thường trú: khu phố B, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh là chị họ của ông Q đứng tên chủ sở hữu. Vào năm 2016, bà T5 có cho ông Q chiếc xe này để làm phương tiện đi lại, từ đó đến nay ông Q là người sử dụng chiếc xe này. Việc bị cáo B1 đi mua ma túy thì ông Q hoàn toàn không biết. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen, biển số 54X6 – 1764 cho ông Trần Nhật Q là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[10] Đối với người đàn ông bán ma túy cho bị cáo Phan Xuân D, do chưa rõ nhân thân lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D tiếp tục điều tra xác minh làm rõ, xử lý sau.

[11] Xét đề nghị Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, khung hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo và xử lý vật chứng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Án phí sơ thẩm: các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Phan Xuân D và Lê Thị M phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Các bị cáo Nguyễn Văn B1, Mai Thanh T2 và Phạm Nguyễn Hoàng L phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm b, p khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phan Xuân D 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 17/3/2024.

- Áp dụng điểm b, p khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Thị M 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Nguyễn Hoàng L 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 16/3/2024.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B1 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 16/3/2024.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Mai Thanh T2 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 16/3/2024.

2. Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a, c khoản 1, 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) bì thư được niêm phong ghi số 1475/PC09 có khối lượng mẫu vật niêm phong 0,1171 gam, loại Methamphetamine; 01 (một) bì thư được niêm phong ghi số 1476/PC09 có khối lượng mẫu vật niêm phong 0,3348 gam, loại Methamphetamine; 01 (một) bì thư được niêm phong ghi số 1477/PC09 có khối lượng mẫu vật niêm phong 0,0982 gam, loại Methamphetamine; 01 (một) bì thư được niêm phong ghi số 1478/PC09 có khối lượng mẫu vật niêm phong M1=0,3,4632 gam, M2=0,6420 gam, M3=1,8314 gam, M4= 0,0273 gam, M5=0,0641 gam; 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm; một chai nhựa, một ống hút nhựa, một nỏ thủy tinh, 01 (một) cân điện tử màu xám có chữ Made in China, 01 (một) kéo nhỏ màu trắng, 01 (một) túi khóa kéo màu xám đen và 01 thẻ sim điện thoại 0974798053.

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo 1907 màu xanh, số Imei 1: 863601049019236, số Imei 2: 863601049019228; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 7 màu vàng gold nhãn hiệu Iphone 7, số máy MNCM2J/A, số seri I17T6HV1H684.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/11/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố D với Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An).

- Buộc các bị cáo Phan Xuân D và Lê Thị M nộp số tiền 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng) để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Phan Xuân D, Lê Thị M, Phạm Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Văn B1 và Mai Thanh T2, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Dĩ An;
- Công an thành phố Dĩ An;
- Chi cục THA dân sự thành phố Dĩ An;
- Trại tạm giam CA tỉnh BD;
- TAND tỉnh BD;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Phòng PV 27 CA tỉnh BD;
- Phòng PC 81 CA tỉnh BD;
- Người tham gia tố tụng;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKS nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thụy